

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 29-4-2021.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bạch Tuyết;
2. Ông Nguyễn Khắc Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 511/2020/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Trần Hà Nhựt T, sinh năm 1987; cư trú tại: Tổ 4, ấp H, xã B, huyện T, tỉnh N, có mặt.

Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1986; cư trú tại: Tổ 5, ấp M, xã B, huyện B, tỉnh N, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Trần Hà Nhựt T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị T tự nguyện chung sống với nhau năm 2017, đến ngày 20 tháng 7 năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh N. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T vay mượn tiền của nhiều người không rõ sử dụng vào mục đích gì, anh và mẹ ruột của anh cũng vay giúp chị T số tiền hơn 400.000.000 đồng để trả nợ, sau đó chị T lại tiếp tục vay mượn tiền của người khác, anh có khuyên ngăn nhưng chị T không nghe nên vợ chồng xảy ra tranh cãi gay gắt và anh đã chuyển về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với chị T từ khoảng tháng 3 năm 2020 cho đến nay,

chị T đi đâu và làm gì anh không rõ. Tháng 9/2020 anh đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với chị T tại Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh và sau đó rút đơn khởi kiện. Hiện nay anh không thể tiếp tục chung sống cùng chị T nên yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Trần Nhật V, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2018, hiện đang sống với chị T. Anh đồng ý giao cháu V cho chị T nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Kết quả thu thập chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: Chính quyền địa phương nơi chị Trần Thị T cư trú xác định chị T có đăng ký hộ khẩu thường trú cùng với gia đình chị T tại ấp M, xã B, huyện B, tỉnh N, tuy nhiên chị T vắng mặt tại nơi cư trú từ năm 2020 cho đến nay. Tại biên bản lấy lời khai của chị Trần Thị B (chị ruột chị T) cũng xác nhận chị T bỏ nhà đi cùng với con gái là cháu Lê Trần Nhật V, hiện nay không rõ ở đâu và làm gì. Chính quyền địa phương, người thân của chị T và hàng xóm không rõ mâu thuẫn giữa anh T, chị T nhưng từ năm 2020 đến nay anh T, chị T không sinh sống cùng nhau tại ấp M, xã B, huyện B, tỉnh N.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn anh Lê Trần Hà Nhật T trình bày: Anh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị T; về con chung anh đồng ý giao cháu Lê Trần Nhật V, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2018 cho chị T nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 1.500.000 đồng; về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị T: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do tại phiên tòa.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng (nguyên đơn anh Lê Trần Hà Nhật T): Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Trần Hà Nhật T đối với chị Trần Thị T, anh T được ly hôn với chị T.

+ Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Trần Nhật V, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2018 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh Lê Trần Hà Nhật T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng

1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2021.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận anh Lê Trần Hà Nhựt T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Anh Lê Trần Hà Nhựt T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân và cấp dưỡng nuôi con) theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Trần Hà Nhựt T và chị Trần Thị T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017, đến ngày 20/7/2018 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh N. Quá trình giải quyết vụ án, anh T cung cấp chứng cứ chứng minh là bản sao giấy trích lục kết hôn giữa anh và chị T (bút lục số 07). Căn cứ quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị T, thấy rằng: Anh T trình bày năm 2019 do chị T thường xuyên vay mượn tiền của nhiều người nhưng không rõ sử dụng vào mục đích gì, anh và gia đình anh đã vay mượn tiền giúp chị T trả số nợ hơn 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng, sau đó chị T lại tiếp tục vay mượn tiền của nhiều người khác nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau gay gắt và anh đã chuyển về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với chị T từ khoảng tháng 3 năm 2020 cho đến nay, còn chị T đi đâu không rõ. Qua xác minh tại địa phương, người thân của chị T và hàng xóm nơi chị T, anh T cư trú không xác định được anh T và chị T có mâu thuẫn hay không, tuy nhiên từ năm 2020 đến nay chị T và anh T không chung sống cùng nhau tại ấp M, xã B, huyện B, tỉnh N. Xét thấy, thời gian anh T và chị T sống ly thân kéo dài, đến nay anh T và chị T không có biện pháp để hòa giải đoàn tụ, tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, anh T được ly hôn với chị T.

[3] Về nuôi con chung: Anh Lê Trần Hà Nhựt T và chị Trần Thị T có 01 con chung tên Lê Trần Nhật V, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2018, theo anh T trình bày hiện cháu V đang sống với chị T. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đồng ý giao cháu V cho chị T nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân. Xét thấy, hiện nay cháu V dưới 36 tháng tuổi, đang sống cùng chị T và việc anh T đồng ý giao cháu V cho chị T nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 1.500.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 81,

83 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Trần Hà Nhựt T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cần ghi nhận.

[5] Về án phí: Anh Lê Trần Hà Nhựt T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Trần Hà Nhựt T và chị Trần Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Trần Nhật V, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2018 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh Lê Trần Hà Nhựt T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2021 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân.

Sau khi ly hôn, anh Lê Trần Hà Nhựt T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Trần Thị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận anh Lê Trần Hà Nhựt T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Trần Hà Nhựt T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004690 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; anh T còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Quyền kháng cáo: Anh Lê Trần Hà Nhựt T được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Trần Thị T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng Ktr-NV-THA, TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh T Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Thúy

